

Phật giáo với văn hóa dân tộc Việt Nam

ISSN: 2734-9195 10:12 09/06/2025

Tiếp nối truyền thống nhập thể, Phật giáo Việt Nam ngày nay đã và đang hội nhập vào dòng sống của dân tộc, trở thành một nhân tố của cuộc sống, có tác động mạnh mẽ trên mọi bình diện của đời sống xã hội, trong đó có thể kể đến vai trò của văn hóa Phật giáo trong nền văn hóa Việt Nam.

Dẫn nhập

Trong suốt chiều dài lịch sử, đạo Phật luôn luôn có mặt trong lòng dân tộc, gắn bó với dân tộc Việt Nam trong mọi thăng trầm. Văn hóa Phật giáo đã hòa mình và hợp nhất với nền văn hóa Việt Nam qua ngôn ngữ, qua tư tưởng, được biểu hiện trong nếp sống, sinh hoạt xã hội, đời sống tâm linh.

Sự đan xen, hòa quyện đã thể hiện rõ nét trong phong tục tập quán, trong văn học bình dân cũng như trong văn học bác học. Từ ngữ của Phật giáo như: trí tuệ, từ bi, thiện ác, nhân quả, nghiệp báo,... được sử dụng như từ ngữ của văn hóa Việt Nam. Văn hóa Phật giáo giao thoa trong nền văn hóa Việt Nam. Phật giáo truyền vào Việt Nam với tinh thần khế lý, khế cơ, tùy duyên bất biến, Phật giáo đã hội nhập, hòa quyện với tín ngưỡng và văn hóa dân gian để trở thành Phật giáo Việt Nam đầy sức sống. Phật giáo càng phát triển và bén rễ sâu trong đời sống xã hội thì sự gắn bó với dân tộc càng sâu sắc.

Phật giáo có mặt ở Việt Nam, thông qua con đường giao lưu và tiếp biến văn hóa, văn hóa Phật giáo có ảnh hưởng rất sâu rộng đến đời sống hằng ngày của người Việt và càng phát triển cũng như bén rễ sâu trong đời sống xã hội thì sự gắn bó với dân tộc sẽ càng sâu sắc.

Trong suốt chiều dài lịch sử đạo Phật được xem là quốc giáo với nhiều hệ tư tưởng vào hai thời kỳ nhà Lý và Trần. Có thể khẳng định được rằng Phật giáo thực sự đã có những đóng góp xứng đáng vào kho tàng văn hóa phong phú và độc đáo của dân tộc với nhiều di sản vật chất cũng như tinh thần có giá trị. Với những điểm tương đồng vốn có, tinh hoa tư tưởng văn hóa Phật giáo khi vào Việt Nam ta, nhanh chóng được dân ta, cư dân văn hóa hiền hòa chất phác, tiếp

nhận một cách tự nhiên, như nước hòa với sữa. Phật giáo nhanh chóng bén rễ và lan tỏa sâu rộng trong đời sống xã hội.

Cũng chính nhờ đặc tính từ bi dung hợp, thông qua con đường văn hóa, Phật giáo không chỉ dung hòa với văn hóa tín ngưỡng bản địa đa thần mà còn dung hợp với tinh hoa văn hóa Nho - Đạo, vốn đã được một bộ phận dân ta tiếp nhận từ đầu công nguyên, tạo nên một nền văn hóa phong phú, đa dạng, nhân văn và đầy sức sống. Chùa Pháp Vân, chùa Pháp Lô, chùa Pháp Vũ, chùa Pháp Điện, chùa Một Cột, chùa Báo Thiên, chùa Thiên Mụ, chùa Tam giáo... là kết quả của quá trình dung hợp, tiếp biến. Nhà nghiên cứu Nguyễn Đình Chú cũng khẳng định rằng: “ Văn hóa Phật giáo là ngọn nguồn của văn hóa Việt Nam”.

1. Sự hình thành, phát triển, đặc trưng Phật giáo và đặc trưng của nền văn hóa Việt Nam



Hình mang tính minh họa (nguồn: Tạp chí NCPH)

1.1. Quá trình hình thành, phát triển của Phật giáo Việt Nam

Hiện nay, có khá nhiều tư liệu viết về lịch sử Phật giáo Việt Nam. Mỗi tác giả với nguồn tư liệu khác nhau lại có cách tiếp cận khác nhau, phân chia giai đoạn phát triển khác nhau của đạo Phật tại Việt Nam. Tuy nhiên, hiện nay theo Giáo hội Phật giáo Việt Nam thì đạo Phật du nhập và phát triển ở Việt Nam được thể hiện qua các thời kỳ, các mốc thời gian như sau:

Thời kỳ thứ nhất: Từ khi Phật giáo du nhập vào cho đến thế kỷ X

Phật giáo là một tôn giáo được truyền vào nước ta từ rất sớm. Theo hiểu biết hiện nay của giới nghiên cứu lịch sử thì Phật giáo vào Việt Nam từ những năm đầu công nguyên. Chính sử của Trung Quốc cũng đã ghi nhận rằng, vào những năm đầu Công nguyên, trong khi miền Nam Trung Quốc chưa có đạo Phật thì ở Kinh đô Giao Chỉ nước Việt đã có một trung tâm Phật giáo và Phật học khá phồn thịnh.

Ban đầu Phật giáo truyền vào nước ta chủ yếu trực tiếp từ Ấn Độ. Có thể kể tên một số tăng sỹ Ấn Độ và Trung á sang truyền giáo ở Việt Nam như: Ma Ha Kỳ Vực, Khưu Đa La, Khương Tăng Hội, Chu Cương Lương, Mạt Đa Đề Bà... Đến thế kỷ V, Phật giáo đã được truyền đến nhiều nơi trên đất nước và đã xuất hiện những nhà sư Việt Nam có nhiều danh tiếng như: Huệ Thắng (*học trò của Đạt Ma Đề Bà*) tu tại chùa Tiên Châu. Tuy nhiên trong lịch sử Phật giáo Việt Nam thì từ thế kỷ thứ VI cho đến thế kỷ X vẫn được xem là giai đoạn truyền giáo của đạo Phật, song giai đoạn này các nhà truyền giáo của Ấn Độ bắt đầu giảm dần và các nhà truyền giáo của Trung Quốc bắt đầu tăng lên, dẫn theo đó bắt đầu có các phái thiền của Trung Quốc du nhập vào Việt Nam cụ thể như:

- Phái Thiền Tỳ Ni Đa Lưu Chi: Cuối thời kỳ hậu Lý Nam Đế, khoảng năm 580 một nhà sư Ấn Độ tên Tỳ Ni Đa Lưu Chi - là Tổ thứ ba của phái Thiền Trung Quốc đã vào Việt Nam tu tại chùa Pháp Vân (tỉnh Bắc Ninh) và trở thành vị Tổ sư của phái Thiền này ở Việt Nam.

- Phái Thiền Vô Ngôn Thông: Năm 820, phái Thiền Vô Ngôn Thông truyền vào Việt Nam (Vô Ngôn Thông họ Trịnh - là người Quảng Châu, Trung Quốc, tu tại chùa Song Lâm, Triết Giang). Năm 820, ông sang tu tại chùa Trấn Quốc (Hà Nội) và trở thành vị tổ sư của phái thiền này ở Việt Nam.

Theo đánh giá, mười thế kỷ đầu Phật giáo truyền bá vào Việt Nam, mặc dù trong hoàn cảnh đất nước bị xâm lược và đô hộ nhưng đạo Phật đã tạo ra được những ảnh hưởng trong nhân dân và có những sự chuẩn bị cho giai đoạn phát triển mới khi đất nước độc lập, tự chủ.

Thời kỳ thứ hai: Phật giáo thời Đinh - Lê - Lý - Trần (thế kỷ X đến thế kỷ XV)

Từ thế kỷ X, nước ta bước vào kỷ nguyên độc lập, tự chủ sau một ngàn năm Bắc thuộc. Việc này đã tạo điều kiện cho Phật giáo phát triển sang một bước mới. Dưới hai triều đại Đinh - Lê, tuy không tuyên bố Phật giáo là Quốc đạo nhưng đã công nhận Phật giáo là tôn giáo chính của cả nước. Các triều Vua Đinh - Lê có nhiều chính sách nâng đỡ đạo Phật. Đặc biệt Vua Lê Đại Hành và Vua Đinh Tiên Hoàng đã trọng dụng và phong thưởng cho nhiều nhà sư có công giúp Vua lo

việc triều chính.

Năm 971, Vua Đinh Tiên Hoàng đã triệu tập các vị cao tăng để định rõ phẩm trật cho tăng chúng. Thiền sư Ngô Chân Lưu (933-1011), hậu duệ của Ngô Quyền được Đinh Tiên Hoàng tôn làm Khuông Việt Thái sư (khuôn mẫu cho nước Việt) và được phong chức Tăng thống đứng đầu Phật giáo cả nước. Pháp sư Ma Ni được phong Tăng lục, đứng dưới chức Tăng thống; Pháp sư Đặng Huyền Quang với chức Sùng trấn uy nghi. Các chức phẩm này của Phật giáo được các triều đại sau kế tiếp duy trì. Đến thời kỳ dưới triều Vua Lê Đại Hành, ngoài các vị cao tăng trên còn có thêm Thiền sư Đỗ Pháp Thuận (915-990) - là người ở đời thứ 10 của phái Tỳ Ni Đa Lưu Chi được Vua trọng dụng, giúp triều đình trong việc đối nội, đối ngoại.

Ở hai triều Đinh - Lê không chỉ trọng dụng các tăng sĩ mà còn hỗ trợ cho Phật giáo phát triển. Vua Lê Đại Hành và Đinh Tiên Hoàng đã cho xây dựng nhiều chùa tháp ở vùng Hoa Lư, biến nơi đây không chỉ là một trung tâm kinh tế - chính trị - xã hội mà còn là một trung tâm Phật giáo lớn của cả nước.

Tuy nhiên, đến triều nhà Lý thì mới được xem là triều đại Phật giáo đầu tiên ở Việt Nam vì Lý Công Uẩn - Lý Thái Tổ (*người sáng lập triều Lý*) xuất thân từ chốn thiền môn (*là người cùng thụ giới Sa Di với Sư Vạn Hạnh*) nên ông hết lòng ủng hộ cho Phật giáo. Sau lễ đăng quang, Lý Thái Tổ ra sắc chỉ ban phẩm phục cho hàng tăng sĩ. Năm 1010, sau khi dời đô về Thăng Long, ông cho xây dựng một số chùa lớn ở Thăng Long như Thiên Phú, Hưng Long và cho tu bổ lại các chùa bị hư hỏng. Dưới triều Lý đã có rất nhiều nhà sư nổi tiếng về việc tu hành và có những đóng góp cho đất nước như sư Vạn Hạnh được Lý Thái Tổ phong làm Quốc sư; Huệ Sinh được Lý Thánh Tông phong làm Tăng thống...

Dưới triều nhà Trần, Phật giáo Việt Nam phát triển tới mức cực thịnh và trở thành tôn giáo chính thống của cả nước. Vị vua đầu tiên của Triều Trần là vua Trần Thái Tông trong ba mươi ba năm giữ ngôi (1225-1258), ông vừa trị quốc vừa nghiên cứu Phật giáo và trở thành người có trình độ Phật học uyên thâm. Bản thân ông cũng đã viết rất nhiều sách văn thơ mang tư tưởng Phật giáo như Thiền tông chỉ nam, Lục thời xám hối khóa nghi, Kim cương tam muội chú giải... Dưới thời nhà Trần, ngoài Vua Trần Thái Tông thì còn có nhiều vị Vua, quan khác đóng vai trò quan trọng đối với sự phát triển của đạo Phật được lịch sử ghi nhận và tôn vinh.

Trong thời kỳ nhà Trần, ở Việt Nam xuất hiện phái Thiền Trúc lâm Yên Tử. Thực ra, Thiền Trúc lâm Yên Tử là thế hệ thứ IV của truyền thống Yên Tử thuộc Thiền Vô Ngôn Thông nhưng đến đời vua Trần Nhân Tông mới trở thành phái thiền riêng có tư tưởng nhập thế với ba vị tổ sư là Trần Nhân Tông, Pháp Loa và

Huyền Quang. Nét đặc sắc của Thiền Trúc lâm Yên Tử là quy tụ được tất cả các dòng thiền có ở Việt nam như Tỳ Ni Đa Lưu Chi, Vô Ngôn Thông, Thảo Đường, do đó Thiền Trúc lâm Yên Tử được xem là dòng thiền thuần túy ở Việt Nam và là nền móng đầu tiên cho việc thống nhất Phật giáo ở Việt Nam.

Thời kỳ thứ ba: Phật giáo thời Lê Sơ đến nhà Nguyễn (XV-XX)

Từ triều Lê Sơ (thế kỷ XV) trở đi, chế độ Phong kiến ở Việt Nam phát triển lên một bước mới, lấy Nho giáo làm chỗ dựa cho tư tưởng chính trị và đạo đức nên Phật giáo từ chỗ phát triển cực thịnh đã suy yếu dần. Tuy nhiên với truyền thống yêu nước, gắn bó với dân tộc thì Phật giáo vẫn giữ được gốc rễ sâu bền trong lòng nhân dân; đồng thời với thái độ khoan dung, Phật giáo đã làm cho tư tưởng Tam giáo (Phật, Lão, Nho) vốn có từ trước bắt đầu mang một sắc thái mới.

Thời kỳ Nam - Bắc triều, khi chúa Trịnh ở ngoài, chúa Nguyễn ở trong, Phật giáo có sự khởi sắc trở lại khi các Chúa Trịnh, Nguyễn đều tạo điều kiện cho việc tôn tạo, sửa chữa chùa chiền. Trong giai đoạn này có nhiều chùa được Chúa Trịnh, Nguyễn cho xây dựng như: chùa Phúc Long (xây năm 1618), chùa Thiền Tây ở Vĩnh Phúc (xây năm 1727), chùa Thiền Mục ở Huế (xây năm 1601)... Cũng thời kỳ này, ở Việt Nam xuất hiện phái thiền mới là Thiền Tào Động ở ngoài và Thiền Lâm tế ở trong.

Thời kỳ thứ tư: Phật giáo thế kỷ XX và giai đoạn hiện nay

Như đã nói ở trên, Phật giáo Việt Nam đã suy vi dưới triều Lê Sơ sau này, đôi lúc có sự khôi phục song không còn thịnh vượng như trước. Phật giáo Việt Nam vẫn tiếp tục suy vi cho đến những năm 30 của thế kỷ XX mới bắt đầu có sự khởi sắc trở lại bởi phong trào Chấn hưng Phật giáo.

Đầu thế kỷ XX, phong trào Chấn hưng Phật giáo không chỉ diễn ra ở Việt Nam mà còn diễn ra ở nhiều nước; đó là kết quả tất yếu của những biến đổi lớn về kinh tế, văn hóa, xã hội, tư tưởng. Phong trào Chấn hưng Phật giáo nổ ra ở Trung Quốc, Nhật Bản sau đó lan ra nhiều nước Châu Á với các khẩu hiệu cách mạng giáo lý, cách mạng giáo chế, cách mạng giáo hội. Phong trào chấn hưng Phật giáo ngoài mang ý nghĩa tôn giáo thì còn có ý nghĩa chính trị xã hội tích cực gắn với công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc; đó là một số nhà sư cùng một số nhân sĩ trí thức yêu nước, mến đạo, muốn đạo Phật phát triển nên đã sử dụng ngọn cờ Phật giáo để đoàn kết, tập hợp lực lượng chống thực dân Pháp.

Phong trào Chấn hưng Phật giáo diễn ra ở Sài Gòn và một số tỉnh miền Nam vào năm 1920 gắn với tên tuổi của các nhà sư tiên phong như Khánh Hòa (1877-

1947), Thiện Chiếu (1898-1974)... Từ miền Nam, phong trào Phong trào Chấn hưng Phật giáo lan ra miền Trung, miền Bắc với các nhà sư như: Hòa thượng Giác Tiên (1880-1936), Thượng tọa Tố Liên (1903-1977), Thượng tọa Trí Hải (1906-1979)...Phong trào chấn hưng Phật giáo kéo dài đến năm 1950 đã đưa lại những kết quả hết sức quan trọng đó là:

Thứ nhất: Đưa Phật giáo đi vào hoạt động có tổ chức; khác với sự rời rạc lỏng lẻo trước đó. Một loạt tổ chức Phật giáo ra đời ở 03 miền nhưng trong giai đoạn này có 06 tổ chức quan trọng của tăng, ni, cư sĩ đó là:

- Ở miền Nam có 02 tổ chức, trong đó: Hội Nam kỳ nghiên cứu Phật học do Hòa thượng Khánh Hòa lập vào năm 1930 (*năm 1951, Cư sĩ Mai Thọ truyền lập lại lấy tên là Hội Phật học Việt Nam*) và Hội Tăng già Việt Nam được lập vào tháng 6/1951.

- Ở miền Trung có 02 tổ chức, trong đó: An Nam Phật học hội do Cư sĩ Lê Đình Thám lập năm 1932 và Hội Tăng già Trung Việt lập năm 1949.

- Ở miền Bắc có 02 tổ chức, trong đó: Hội Phật giáo Bắc Kỳ do cư sĩ Nguyễn Năng Quốc lập năm 1934 và Hội chính lý Tăng ni Bắc Việt do Thượng tọa Tố Liên thành lập năm 1949 (*năm 1950 đổi tên thành Hội Tăng già Bắc Việt*).

Thứ hai: Một sự kiện quan trọng nữa trong lịch sử Phật giáo Việt Nam và cũng là kết quả của Phong trào Chấn hưng Phật giáo đó là năm 1951, tại Huế, các tổ chức Phật giáo nói trên đã họp lại để lập ra Tổng hội Phật giáo Việt Nam. Đây được coi là một cuộc vận động thống nhất Phật giáo đầu tiên về mặt tổ chức của Phật giáo Việt Nam ở thế kỷ XX.

Thứ ba: Phong trào Chấn hưng Phật giáo đã xây dựng được một số cơ sở tôn giáo để đào tạo tăng, ni và đưa việc đào tạo tăng, ni trở thành quy củ, nề nếp. Sau đó kinh sách Phật giáo được biên dịch và phát hành rộng rãi, theo đó các tạp chí Phật học cũng được ra đời để làm phương tiện chấn chỉnh về giáo lý, giáo luật.

1.2. Những đặc trưng của nền văn hóa Việt Nam



Hình mang tính minh họa

Thứ nhất: Nền văn hóa hình thành từ nền tảng nông nghiệp trồng lúa nước ở miền sông nước và biển đảo

Nước Việt Nam nằm ở khu vực Đông Nam Á, hình chữ S. Khí hậu nhiệt đới nắng nóng, mưa nhiều, gió mùa đông bắc lạnh vào mùa đông. Những đợt gió đông nam từ biển Đông đưa hơi nước vào đất liền gặp đồi núi cao, khí lạnh, hội tụ thành những cơn mưa nhiệt đới.

Ở Việt Nam hầu hết các con sông lớn, nhỏ đều bắt nguồn từ vùng rừng núi phía tây chảy về phía đông ra biển, dòng nước mang nhiều phù sa bồi đắp nên những thung lũng chân núi, châu thổ ven biển thích hợp với cây lúa nước.

Thời phong kiến đại bộ phận người Việt sinh sống chính bằng nghề trồng trọt và chủ yếu là trồng lúa nước. Hệ giá trị nghề ở thời phong kiến là sĩ - nông - công - thương. Nông được xếp thứ hai sau quan.

Chính sách suốt thời phong kiến là khuyến nông trồng lúa nước (vua đi cày), đắp đê, khơi kênh mương để điều tiết nước trồng lúa. Điều này dẫn tới trong nền văn hóa Việt Nam số lượng tục ngữ đúc rút tri thức dân gian về nghề nghiệp phần nhiều là tổng kết kinh nghiệm trồng lúa, những vấn đề liên quan đến nghề trồng lúa nước. Xưa chưa có điện, con người chưa thể sử dụng máy bơm điện dẫn thủy nhập điền. Trồng lúa phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên, đặc biệt là nước.

Cha ông ta đúc kết: *“Nhất nước, nhì phân, tam cần, tứ giống”*. Lễ hội là sinh hoạt lớn của người nông dân ở làng quê vẫn còn lưu giữ những sinh hoạt văn hóa liên quan đến nước như tín ngưỡng cầu mưa, thờ mẹ lúa, thờ Tứ Pháp (mây

- mưa - sấm - chớp), cầu nước (qua rước nước), cầu khô, cầu tạh mong nước rút để được mùa lúa, cuộc sống no đủ.

Bữa ăn của người Việt là cơm nấu từ gạo, sản phẩm của cây lúa. Gạo là ngọc thực, có rất nhiều món ngon mà cách chế biến là từ gạo...

Thứ hai: Nền văn hóa đề cao giá trị văn hóa gia đình truyền thống

Gia đình là tế bào của xã hội, nơi sinh thành, nuôi dưỡng nhân cách con người. Mỗi tộc người, mỗi quốc gia có sự lựa chọn, đề cao những giá trị khác nhau trong văn hóa gia đình. Đối với người Việt, giá trị văn hóa gia đình truyền thống được đúc kết từ sự thích nghi và ứng phó của dân tộc đối với tự nhiên và xã hội trước những thách thức của lịch sử. Cũng là thờ cúng tổ tiên nhưng người Việt dành tình cảm sâu nặng với tổ tiên qua các nghi thức tín ngưỡng.

Trong ngôi nhà vị trí trang trọng nhất, trang trí lộng lẫy nhất là bàn thờ tổ tiên, khi đó nhiều dân tộc trên thế giới không thờ, hoặc có thờ nhưng bàn thờ người mất thường nhỏ, lại để ở góc nhà. Người Việt thờ cúng tổ tiên không giới hạn thời gian, sau 5 đời thì nhập bát nhang thờ cụ kỵ vào một bát nhang chính gọi là bát nhang thờ tiên tổ. Coi trọng mồ mả, giỗ kỵ ngày mất của ông bà, cha mẹ, không có tục bỏ mả, dỡ bỏ nơi thờ cúng. Suy cho cùng tôn kính tổ tiên là cách hành xử người Việt coi trọng người sinh thành ra mình.

Văn hóa gia đình truyền thống người Việt giàu tính nhân văn như kính trọng người già, yêu quý trẻ nhỏ, đề cao tình nghĩa vợ chồng: "*Chồng em áo rách em thương, chồng người áo gấm xông hương mặc người*". Tôn trọng mẫu quyền, dù sống trong xã hội phụ quyền nhưng vai trò người Mẹ không thể thiếu trong các sinh hoạt văn hóa gia đình. Mẹ là người tay hòm chìa khóa, chủ chi và tham gia chính kiến tạo các lễ nghi văn hóa. Con cháu phải giữ được nếp nhà, hiếu thảo với cha mẹ. Anh em phải gắn bó, hòa thuận giúp nhau những lúc hoạn nạn, khó khăn, phương châm ứng xử là "chị ngã em nâng". Giá trị văn hóa gia đình truyền thống biểu hiện trong các quan hệ xã hội như gọi người lớn tuổi là ông, bà, chú, bác, cô... còn người ít tuổi hơn là em, cháu, con.

Một trong những giá trị văn hóa truyền thống gia đình người Việt là quan niệm gia đình gắn với quốc gia - dân tộc. Người Việt coi nước là một gia đình lớn. Ký ức cội nguồn tiên tổ sâu nặng về bố Rồng (Lạc Long Quân) lấy mẹ Tiên (Âu Cơ) sinh ra một bọc (đồng bào) trăm trứng nở ra thành các dân tộc trên đất nước Việt Nam. Nước có ngày giỗ Tổ Hùng Vương (mùng 10 tháng ba Âm lịch).

Thứ ba: Nền văn hóa đậm tính cộng đồng, tự trị của văn hóa làng xã

Làng xã là một tổ chức xã hội độc đáo trong xã hội phong kiến ở Việt Nam. Làng khởi đầu từ một dòng họ huyết thống sau mở rộng gồm nhiều dòng họ chung sống. Làng Việt thể hiện rất rõ tính cộng đồng. Các thành viên ở làng xã gắn bó, quan hệ mật thiết với nhau trong mọi hoạt động sống, từ trồng trọt, chăn nuôi, trao đổi hàng hóa đến tổ chức các sinh hoạt văn hóa. Dưới thời phong kiến làng Việt nào cũng có ruộng công, tài sản của cả làng, cứ 3 năm đến 5 năm lại phân bổ lại theo suất đinh (con trai) ở làng. Đây là cơ sở kinh tế quan trọng để mỗi thành viên của làng gắn bó với nhau. Làng là quê cha đất tổ, nơi chôn rau cắt rốn, nơi được mọi người trân trọng gọi là quê hương. Phần ruộng công còn được giao cho thành viên của làng trồng trọt thu hoa lợi phục vụ công việc của làng. Ngôi đình là biểu tượng của mỗi làng, thờ vị thành hoàng bảo trợ. Cộng đồng làng cùng tổ chức hội làng biểu dương sức mạnh tinh thần ở các công trình tín ngưỡng: đình, đền, chùa, miếu, quán. Tính cộng đồng thể hiện trong các sinh hoạt văn hóa của các thành viên ở làng xã như việc cưới, việc tang, mừng thọ, mừng nhà mới... Tính cộng đồng và tính tự trị là cơ sở để làng Việt trở thành pháo đài văn hóa giữ gìn bản sắc vùng miền.

Có nhà nghiên cứu cho rằng cấu trúc của xã hội Trung Quốc là: Cá nhân - gia đình - *dòng họ* - quốc gia còn cấu trúc của xã hội Việt Nam là: Cá nhân - gia đình - *làng xã* - quốc gia. Như vậy, ở Việt Nam, làng là một thực thể tự trị nhưng làng và nước lại có quan hệ gắn bó mật thiết với nhau, tạo nên giá trị tình làng nghĩa nước.

Thứ tư: Nền văn hóa thấm đậm, bao trùm tinh thần yêu nước, ý thức quốc gia - dân tộc

Lịch sử đã chứng minh trong suốt chiều dài hàng nghìn năm các đế chế phương Bắc không từ bỏ dã tâm thôn tính đất nước Việt Nam trở thành quận, huyện và mưu toan đồng hóa người Việt.

Trước thách thức của lịch sử, người Việt đã tự vệ cho dân tộc mình bằng vũ khí văn hóa là đề cao, lan tỏa sâu rộng tinh thần yêu nước thường nôi, ý thức về quốc gia - dân tộc. Người Việt đã sáng tạo hệ thống huyền thoại Họ Hồng Bàng nói về cội nguồn các dân tộc ở Việt Nam, coi các dân tộc ở Việt Nam là đồng bào. Tổ quốc là một gia đình lớn, có các vua Hùng là Quốc Tổ khai sinh nhà nước Văn Lang đầu tiên trong lịch sử dân tộc Việt. Sáng tạo truyền thuyết My Châu - Trọng Thủy để truyền đời bài học cảnh giác trước họa ngoại xâm. Những câu chuyện dân gian nói về tài trí của sứ thần và các trạng Việt Nam trong giữ thể diện dân tộc, quốc gia khi đối đáp với vua, quan, sứ thần phương Bắc.

Chống lại cuộc chiến tranh xâm lược của ngoại bang với tinh thần: "*Giặc đến nhà, đàn bà cũng đánh*". Các làng xã của người Việt dựng đình để thờ thần làng

làm thành hoàng bảo trợ, phần lớn các vị thần thờ là người có công chống xâm lược và đóng góp vào sự nghiệp xây dựng đất nước. Những câu ca kêu gọi đại đoàn kết toàn dân tộc: "*Bầu ơi thương lấy bí cùng, tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn*"; "*Nhiều điều phủ lấy giá gương, người trong một nước phải thương nhau cùng*".

Hơn hết, người Việt hiểu rằng mất văn hóa là mất dân tộc, mất nước nên yêu nước là cùng nhau giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, giải thiêng văn hóa ngoại bang, gọi người phương Bắc đến cư trú là chú khách.

Các di tích lịch sử văn hóa tưởng niệm những người có công với nước và dòng văn nghệ yêu nước chống xâm lược đã thể hiện rõ tâm hồn, cốt cách, ý chí quyết tâm bảo vệ Tổ quốc và khát vọng yêu chuộng hòa bình, "*không có gì quý hơn độc lập, tự do*" [4] của người Việt, như lời di huấn của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Thứ năm: Nền văn hóa đề cao nữ quyền

Lịch sử nhân loại phát triển từ chế độ mẫu quyền chuyển dần sang chế độ phụ quyền. Ở các nước phương Tây, đó là quá trình người phụ nữ mất dần vị thế xã hội, nhất là dưới thời phong kiến. Đến nay, vấn đề nữ quyền đang nổi lên trong xã hội phương Tây, phụ nữ tranh đấu chống kỳ thị, đòi bình đẳng giới. Ngược lại trong nền văn hóa Việt Nam, biểu hiện kỳ thị phụ nữ rất mờ nhạt mà hình ảnh người phụ nữ còn được đề cao, giữ vị trí xứng đáng trong các sinh hoạt văn hóa truyền thống, nhất là ở những nơi thờ tự tín ngưỡng tôn giáo.

2. Phật giáo gắn liền với văn hóa Việt Nam

2.1. Văn hóa Phật giáo giao thoa trong nền văn hóa Việt Nam

Trong suốt chiều dài lịch sử, đạo Phật luôn luôn có mặt trong lòng dân tộc Việt Nam, gắn bó với dân tộc Việt Nam trong mọi thăng trầm. Văn hóa Phật giáo đã hòa mình và hợp nhất với nền văn hóa Việt Nam qua ngôn ngữ, qua tư tưởng, được biểu hiện trong nếp sống, sinh hoạt xã hội, đời sống tâm linh. Sự đan xen, hòa quyện đã thể hiện rõ nét trong phong tục tập quán, trong văn học bình dân cũng như trong văn học bác học. Từ ngữ của Phật giáo như: trí tuệ, từ bi, thiện ác, nhân quả, nghiệp báo, v.v... được sử dụng như từ ngữ của văn hóa Việt Nam. Văn hóa Phật giáo giao thoa trong nền văn hóa Việt Nam để lại dấu ấn sau:

Những dấu ấn trong tục ngữ

Tục ngữ là ngôn ngữ dân gian mà người bình dân Việt Nam thường sử dụng để trao đổi tư tưởng, tình cảm với nhau. Những tư tưởng trong ngôn ngữ dân gian được gọi là văn hóa bình dân. Những từ ngữ của Phật giáo đã biến thành ngôn ngữ của người bình dân Việt Nam thường sử dụng, đã được truyền cho nhau trong dân gian mà chúng ta đã thấy tản mát trong văn học bình dân. Chúng tôi xin đơn cử ra đây một vài câu tục ngữ để chứng minh giá trị sự giao thoa của văn hóa Phật giáo trong văn hóa Việt Nam, điển hình như những từ ngữ: “Tội nghiệp quá!”; “Hằng hà sa số” “Lù khù nhưng ông Cù độ mạng”,...

Người bình dân mỗi khi thấy những ai bất hạnh, bị hoạn nạn đau khổ thì liền tỏ lòng thương xót, chia sẻ và thốt lên câu: “Tội nghiệp quá!”... Hai chữ tội nghiệp là từ ngữ của Phật giáo với ý nghĩa chỉ cho nghiệp báo tội ác đã định.

Người ta muốn diễn tả số lượng người quá đông đảo hoặc số lượng vật gì quá nhiều thì liền dùng câu “Hằng hà sa số” để tỏ bày. Hằng hà sa số là từ ngữ của Phật giáo với ý nghĩa là số nhiều như cát sông hằng. Sông Hằng là chỉ cho một trong hai con sông lớn nhất của Ấn Độ. Ấn Độ có hai con sông nổi tiếng thế giới là sông Ấn (Indus) và sông Hằng (Gange) và hai con sông này khai nguồn tài nguyên sức sống cho toàn thể dân tộc Ấn Độ phát triển và tồn tại. Trong các kinh luận, Phật giáo cũng thường dùng những ngôn từ “Hằng Hà sa số” nhằm để nói lên số lượng quá nhiều không thể đếm được.

Trong xóm làng, có một số người với trình độ văn hóa giới hạn, cứ sống buông trôi cho qua ngày đoạn tháng, nhưng không biết tại sao họ lại được rất nhiều may mắn ngoài khả năng của họ. Đối với những người này, người bình dân Việt Nam thường dùng ngôn từ “Lù khù nhưng ông Cù độ mạng” để chỉ sự may mắn nói trên của họ. Lù khù là chỉ cho hạng người khờ dại, ngây thơ, không biết chút gì về cuộc đời. Ông Cù gọi cho đủ là ông Cù Đàm tức là chỉ cho dòng họ của Đức Phật Thích Ca. “Lù khù nhưng ông Cù độ mạng” nghĩa là: Những người này sở dĩ được may mắn là nhờ Đức Phật Thích Ca phù hộ.

Còn nhiều dấu ấn về tục ngữ hàm chứa tinh thần Phật giáo và những tục ngữ đó hiện đang tàng trữ trong kho văn học Việt Nam mà ở đây chưa khai thác được để làm phong phú cho nền văn hóa Việt Nam.

Những dấu ấn trong ca dao

Ca dao là những câu hò tiếng hát theo giọng điệu tự nhiên, phát xuất từ tâm hồn mộc mạc, tình cảm của người bình dân Việt Nam, được lưu truyền trong dân gian. Những câu ca dao này mang tư tưởng, tình cảm của dân tộc nhằm diễn tả luân lý, đạo đức, tình ý, phong tục, tập quán, lối sống của con người... Tư tưởng Phật giáo thâm nhập vào ca dao Việt Nam và thấm vào tâm hồn của

người bình dân. Điển hình như những bài ca dao sau đây thấm nhuần tư tưởng của Phật giáo:

Người Việt Nam, rất tin tưởng triết lý thiện ác nghiệp báo, nhân quả, luân hồi và ý thức được giá trị nguyên lý duyên sinh (tương quan với nhau trong sự sinh tồn) của Phật giáo. Để thể hiện tinh thần đùm bọc lẫn nhau, họ thường hát lên những câu hò, những lời ru, nhằm khuyên nhau cách ăn ở nên “tránh dữ làm lành”, mong mỗi cuộc sống được hạnh phúc, an vui, đồng thời hy vọng con cháu sau này nhờ ân đức đó mà gặp may mắn trong cuộc sống, thể hiện trong câu ca dao:

“Ai ơi! Hãy ở cho lành

Kiếp này không được, để dành kiếp sau”.

Hai câu ca dao này hàm chứa triết lý sâu sắc của đạo Phật mà thời xưa đã được người Việt Nam coi như triết lý sống, đó cũng tiêu biểu cho đạo đức Phật giáo là “ở cho lành” và lại còn thể hiện tư tưởng nhân quả luân hồi qua hai câu “Kiếp này” và “Kiếp sau”. Họ căn cứ dòng thời gian trải dài xuyên qua ba giai đoạn quá khứ, hiện tại và tương lai, mà tin tưởng rằng sẽ có kiếp sau, vì có kiếp này, cũng như tin tưởng rằng sẽ có ngày mai vì có ngày hôm nay, mặc dù kiếp sau và ngày mai chưa bao giờ đến với họ. Vì tin tưởng những lý lẽ đó, con người khuyên nhau một cách sống thể hiện qua hai câu ca dao nêu trên “tránh dữ làm lành” và những điều lành đó tuy rằng không được thụ hưởng ở kiếp này nhưng rồi sẽ được thụ hưởng ở kiếp sau chẳng bao giờ biến mất.

Thời đại nào con người cũng cần có đạo đức hơn. Nếu con người có tài năng mà không có đạo đức thì cũng sẽ không là người có ích cho đời. Nếu con người có đạo đức thì sẽ gặp nhiều may mắn trong cuộc sống: “Có đức không sức mà ăn”.

Văn hóa Phật giáo có thể nói đã hòa mình, biến thành văn hóa Việt Nam, được thấy tản mát qua những câu ca dao dưới mọi hình thức, có chỗ thì bộc lộ cụ thể và có nơi thì gợi ý tâm tình để nói lên ý nghĩa nào đó. Với nội dung bài này, chúng ta chỉ đem một vài nét ca dao để chứng minh văn hóa Phật giáo hiện diện trong văn hóa Việt Nam.

Những dấu ấn trong văn học

Nền văn học bác học của dân tộc Việt Nam đã được ảnh hưởng nền văn hóa Phật giáo có thể tạm khởi điểm từ nền văn học chữ Nôm và tiếp đến nền văn học chữ Hán trở về sau. Trên lĩnh vực nền văn học bác học, văn hóa Phật giáo đã dung hòa vào văn hóa dân tộc rất phong phú. Cụ thể như tác phẩm *Cung*

oán ngâm khúc của Nguyễn Gia Thiều, *Truyện Kiều* của Nguyễn Du, cho đến Văn Học Lý Trần đã nói lên một cách hùng hồn sự đóng góp rất lớn của văn hóa Phật giáo cho nền văn hóa dân tộc.

Nguyễn Gia Thiều, trong *“Cung oán ngâm khúc”* đã mượn tư tưởng Phật giáo để diễn tả sự si mê của con người không biết cuộc đời là vô thường, không biết kiếp sống là giả tạo như giấc mộng Nam Kha mà cứ mãi đắm mê chạy theo bả vinh hoa, mùi phú quý giống như con thiêu thân trước ngọn đèn dầu, rốt cuộc rồi chỉ còn lại hai bàn tay không. Điều đó được thấy trong đoạn thơ dưới đây:

“Mùi phú quý giữ làng xa mãi,

Bả vinh hoa lừa gã công khanh.

Giấc Nam Kha khéo bất bình,

Bừng con mắt dậy thấy mình tay không”. [11]

Nguyễn Du tin tưởng, nương theo học thuyết nhân quả nghiệp báo của Phật giáo xây dựng nên tác phẩm *“Đoạn trường tân thanh”*. Học thuyết Nhân Quả Nghiệp báo trong *Đoạn trường tân thanh* chính là: *“Đã mang lấy nghiệp vào thân/ Cũng đừng trách lẫn trời gần trời xa. Thiệt căn bởi tại lòng ta/ Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài”*. [3, câu 3249- 3252.] Học thuyết nhân quả nghiệp báo đã thay thế học thuyết thiên mệnh là không cho nàng Kiều kết thúc cuộc đời bạc mệnh dưới sông Tiền Đường, mà phải được sống để tái hợp với Kim Trọng qua sự vớt lên của sư Giác Duyên. Theo học thuyết nhân quả nghiệp báo, mối tình đầu giữa nàng Kiều và Kim Trọng chính là nghiệp nhân và nàng Kiều được tái hợp với Kim Trọng chính là nghiệp quả mà sư Giác Duyên là biểu tượng cho học thuyết của Phật giáo làm gạch nối gieo duyên.

Nền Văn học Lý - Trần là những chứng tích hùng hồn nhất về sự đóng góp vĩ đại của Phật giáo cho nền văn hóa dân tộc và nói lên được sự phát triển của văn hóa Phật giáo hòa quyện vào văn hóa Việt Nam. Dù bất cứ thời đại nào, cũng không thể chối bỏ được sự đóng góp này của Phật giáo cho nền văn hóa dân tộc trên lĩnh vực độc lập và tự trị, văn hóa Phật giáo đã hội nhập vào nền văn hóa Việt Nam.

2.2. Vai trò của Phật giáo với nền văn hóa Việt Nam



Hình mang tính minh họa

Một là, đề cao giá trị con người, hướng thiện, xây dựng xã hội an bình

Thực tế lịch sử Phật giáo Việt Nam đều khẳng định vị trí tối cao của con người. Thiền sư Vạn Hạnh từng nói: *“Nhậm vận thịnh suy vô bố úy. Thịnh suy như lộ thảo đầu phô”* (Khéo léo vận dụng quy luật thịnh suy thì không còn sợ hãi, thịnh suy mong manh như hạt sương trên đầu ngọn cỏ). [6, tr. 50.] Trước khi nhập Niết bàn, Phật đã từng khuyên học trò phải dựa vào bản thân mình, lấy mình làm ngọn đèn, tự thắp đuốc lên mà đi. Nhìn lại, lịch sử Phật giáo Việt Nam, Trần Thái Tông - nhà Phật học lỗi lạc đã khẳng định bản chất con người là thánh thiện, mỗi người nếu biết dụng tâm tu tập đều có thể làm cho Phật tánh hiển lộ, tức là thành Phật ngay giữa cuộc đời. Tuy đề cao trí tuệ thực nghiệm (sống, thực hành), nhưng đạo Phật không xem nhẹ trí tuệ học hỏi và trí tuệ tư duy, mà sách Phật thường gọi là văn tuệ (học hỏi mà biết) và tư tuệ (tư duy mà biết).

Việc Phật giáo luôn đề cao khả năng tư duy độc lập của con người, chính là nhằm hướng mỗi người biết tự chọn cho mình phương châm hành động đúng lẽ phải, phân biệt chính - tà, thiện - ác, biết cần phải làm gì trong cuộc sống vốn đầy biến động, xây dựng một xã hội an bình.

Có thể nói, trí tuệ của Phật giáo là khuyến khích chính sách, biết tự khai thác năng lực nội sinh của mình để nỗ lực vươn lên, xây dựng hướng đi cho bản thân trong hoạt động thực tiễn. Bởi, nếu không có lý trí, không có khả năng tư duy “tùy biến”, con người sẽ bất lực và dễ dàng gục ngã trước những tác động phức tạp, biến động của cuộc sống, nhất là trong thời kỳ hội nhập. Phật giáo biện

tâm và hướng nội giúp con người có được nội tâm yên bình, trong sáng để duy trì cuộc sống bình ổn, hòa đồng và có trách nhiệm trong xã hội hiện đại. Hướng nội là để cân bằng với hướng ngoại. Vì vậy, tâm lý học Phật giáo góp phần điều chỉnh tình trạng mất cân bằng của con người hiện đại. Những xu thế hướng nội của Phật giáo Việt Nam còn có một cội rễ sâu xa: Đúng - sai và chân lý không phải do khách quan đưa lại, mà là xuất phát từ bên trong mỗi người.

Hai là, duy trì, phát huy truyền thống đoàn kết dân tộc, hòa đồng với cộng đồng

Là một trong những hệ tư tưởng điển hình trong nền văn hóa dân tộc Việt Nam, tinh thần Phật giáo in đậm, tạo nên một sắc thái riêng trong các lĩnh vực văn hóa dân gian, văn học nghệ thuật, văn hóa ứng xử, văn hóa giao tiếp, văn hóa ẩm thực, văn hóa kinh doanh... Hầu hết các hoạt động Phật sự đều xuất phát từ lợi ích dân tộc, Tổ quốc và cuộc sống nhân sinh. Lịch sử đã chứng minh, Phật giáo Việt Nam luôn đồng hành cùng dân tộc, góp phần vào chấn hưng đất nước, an sinh, đấu tranh vì hòa bình thịnh vượng...

Thông qua những hoạt động mang tính xã hội, cùng với nhiều tôn giáo khác, Phật giáo Việt Nam đã thể hiện sâu sắc tinh thần nhân văn, hướng thiện, tăng cường kết nối tình đoàn kết giữa Đạo với Đời, giữa các tầng lớp nhân dân, góp phần giáo dục, phát huy tinh thần cộng đồng, phát huy sức mạnh tập thể theo truyền thống của người Việt.

Trong xã hội hiện đại, khi những xung đột sắc tộc, tôn giáo diễn ra ở nhiều nơi trên thế giới thì triết lý và thực hành mô hình cộng đồng sống hòa hợp, đoàn kết của Phật giáo Việt Nam được coi là điển hình, vì điều đó mong muốn và hướng con người tới cuộc sống tốt đẹp, yêu thương, gắn bó, chung sống hòa bình, hữu nghị, hợp tác cùng phát triển.

Lấy đạo đức, trí tuệ làm cốt lõi cho sự tồn tại và phát triển nên Phật giáo là đạo của sự giác ngộ, giác ngộ để giải thoát khỏi tham lam, thù hận. Suy ra, nếu mỗi con người nhận thức đúng đắn (tức là giá ngộ) về tự nhiên và xã hội, hiểu rõ quan hệ của cá nhân trong cộng đồng và ảnh hưởng của xã hội tới cá nhân, thì sẽ có hành động và ứng xử đúng mực, hài hòa giữa (con người và tự nhiên, cá nhân và cộng đồng), biết sống hòa đồng và tăng cường hỗ trợ lẫn nhau...

Ba là, giáo dục, phát huy truyền thống yêu nước

Lịch sử xây dựng và bảo vệ Tổ quốc cho thấy, khi đất nước hưng thịnh thì Phật giáo phát triển; cùng với nền độc lập, tự do của dân tộc, trong nhiều năm qua, Phật giáo đã tích cực góp phần cùng toàn dân tham gia xây dựng cuộc sống

thông qua giáo dục tín đồ, phật tử phát huy truyền thống yêu nước, trau dồi đạo đức, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.

Lịch sử Phật giáo Việt Nam cũng đã chứng minh những đóng góp quan trọng vào công cuộc dựng nước, giữ nước và bảo vệ Tổ quốc của Phật giáo. Qua nhiều triều đại phong kiến, nhiều vua/quan là phật tử đã vận dụng những tinh hoa trong tư tưởng, triết lý của đạo Phật phục vụ cho công cuộc chấn hưng đất nước. Cùng với tinh thần tự chủ, độc lập, anh dũng của dân tộc, các triều đại Đinh, Lê, Lý, Trần đã khẳng định tinh thần gắn liền đạo pháp với dân tộc của Phật giáo. Tại lễ Phật Đản Vesak 2008 tại Hà Nội, Chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết đã phát biểu nhấn mạnh: *“... Ngay từ buổi đầu tiên, với tư tưởng từ bi, hỉ xả, Phật giáo đã được nhân dân Việt Nam đón nhận, luôn đồng hành cùng dân tộc với phương châm nhập thế, gắn bó giữa Đạo và Đời, phấn đấu vì hạnh phúc và an vui cho con người. Trong các thời đại, thời nào lịch sử Việt Nam cũng ghi nhận những nhà sư đại đức, đại trí đứng ra giúp đời hộ quốc an dân. Đặc biệt, lịch sử Việt Nam mãi ghi nhớ công lao của vị vua anh minh Trần Nhân Tông có công lớn lãnh đạo nhân dân bảo vệ Tổ quốc. Khi đất nước thái bình, Người nhường ngôi, từ bỏ giàu sang, quyền quý, tìm nơi non cao Yên Tử để học Phật, tu hành, sáng lập nên Thiền phái Trúc Lâm, một dòng thiền riêng của Việt Nam tồn tại mãi tới ngày nay”*. [6, tr. 50.]

Trong các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm ở thế kỷ XX của dân tộc, nhiều phật tử đã tích cực tham gia vào cuộc đấu tranh vì lẽ phải, vì độc lập tự do của Tổ quốc. Phật giáo đã góp phần đồng hành cùng dân tộc trong các cuộc trường chinh cứu nước, giữ nước; góp phần giáo dục và phát huy truyền thống yêu nước trong mỗi tín đồ phật tử cũng như các thế hệ con dân nước Việt.

Bốn là, chung tay xây dựng, phát triển văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc

Trên nhiều góc độ, bình diện, trí tuệ Phật giáo đã thể hiện rất rõ tác dụng, trong việc góp phần cùng với các tổ chức xã hội và nhân dân thực hiện ngày càng tốt hơn những chủ trương, quyết sách của Đảng, Nhà nước, đặc biệt là công tác nhân đạo, từ thiện, hạn chế những tiêu cực, mặt trái trong xã hội hiện đại... Thể hiện qua hoạt động truyền bá và tôn vinh những giá trị tốt đẹp của nền văn hóa truyền thống dân tộc với nhiều hình thức giáo dục đa dạng; khơi lên những giá trị tích cực trong văn hóa tâm linh, giác ngộ lòng từ bi, hướng thiện trong tâm hồn con người...

Mặc dù cũng còn những hạn chế nhất định trong phương châm hành động và triết lý duy tâm, nhưng Phật giáo đã và đang có những đóng góp quan trọng

cùng với những tôn giáo khác vào quá trình phát triển của xã hội và đất nước. Nhất là trong bối cảnh hiện nay, đất nước ta đang có những bước tiến mạnh mẽ vào quá trình hội nhập và phát triển và cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, bên cạnh những kết quả tích cực, nền kinh tế thị trường với những mặt trái của nó đã và đang đưa đến nhiều hệ lụy, trong đó có những hệ lụy về mặt tinh thần.

2.3. Sự đóng góp của Phật giáo cho nền văn hóa Việt Nam

Trong lĩnh vực văn hóa vật thể

Bất kể tôn giáo nào hiện diện ở Việt Nam cũng xây dựng cho mình những giáo đường và Phật giáo cũng không ngoại lệ, Phật giáo đưa đến cho văn hóa Việt một nền kiến trúc chùa, tháp phong phú, kiến trúc là văn hóa, sự phát triển của kiến trúc đánh dấu bước tiến của văn minh. Phật giáo Việt Nam là một mắt xích trong việc xây dựng, gìn giữ kiến trúc văn hóa nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc và hội họa. Ngôi chùa Việt là nơi hội tụ đầy đủ giá trị lịch sử, văn hóa nghệ thuật, là sản phẩm văn hóa vật thể và là không gian văn hóa truyền thống, gắn bó sâu sắc với đời sống tinh thần của người dân.

Hệ thống chùa, tháp Phật giáo hiện nay trải dọc theo chiều dài đất nước, từ thành thị đến thôn quê. Ngôi chùa đã trở nên gắn bó và không thể tách rời của văn hóa Việt, bổ sung cho nền văn hóa những sắc màu mới, làm giàu, làm đẹp cho nghệ thuật kiến trúc, mỹ thuật, xây dựng và điêu khắc của dân tộc. Ở mỗi vùng, miền kiến trúc chùa, tháp có những đặc điểm riêng, bởi chịu sự chi phối của môi trường, đời sống văn hóa tâm linh của người dân và từng điều kiện lịch sử cụ thể, nhưng tựu chung lại đều thể hiện kiến trúc điển hình của phương đông theo hình chữ “Đình”, chữ “Tam”, chữ “Nhất” hoặc chữ “Công” và được Việt hóa để phù hợp, gần gũi với tâm thức của người Việt. [10] Các ngôi chùa thường được thiết kế hài hòa với môi trường xung quanh, hòa mình vào thiên nhiên, tạo nên những thắng cảnh, là vùng địa linh, nơi hội tụ khí thiêng của trời đất.

Chùa Phật giáo có từ thời Bắc thuộc, tuy nhiên ban đầu những ngôi chùa được hình thành dưới dạng thảo am. Giai đoạn này nổi tiếng nhất là chùa Khai Quốc được hình thành thời Lý Nam Đế. Đến thời Lý, Trần chùa Phật giáo mới được tu bổ và xây dựng mới, phân chùa thành ba loại: Đại danh lam, trung danh lam và tiểu danh lam. Đến thời Lê - Mạc, Nho giáo lên ngôi, Phật giáo lui về chốn dân gian, các thân vương quý tộc và tầng lớp quan lại bỏ tiền hoặc kêu gọi hưng công tín thí để xây dựng, tu bổ chùa chiền. Kết quả là nhiều ngôi chùa mới với kiến trúc trăm gian được mọc lên, nhiều ngôi chùa cũ được trùng tu xây dựng, mở mang kiến trúc khiến cho mặt bằng nhiều ngôi chùa thay đổi theo hướng

mở rộng và quy mô hơn trước. Ngôi chùa trở thành thiết chế quan trọng, chiếm vị trí trung tâm và là nơi quần tụ văn hóa của làng, người dân hội họp, đi chơi hội hay các sinh hoạt văn hóa khác đều diễn ra ở chùa. Nhiều ngôi chùa được xây dựng trong cảnh thiên nhiên hùng vĩ như: Chùa Hương (Hà Nội), chùa Đồng (Yên Tử, Quảng Ninh), chùa Thầy, chùa Bối Khê (Hà Nội), chùa Phật Tích (Bắc Ninh),... tạo nên những danh lam thắng cảnh nổi tiếng trong cả nước.

Trong chùa là cả một bảo tàng nghệ thuật, bao gồm hệ thống tượng pháp, các bức phù điêu, câu đối, bia ký, bản kinh khắc trên gỗ (mộc bản) thể hiện nghệ thuật điêu khắc bởi bàn tay tài hoa của người Việt. Những pho tượng được bài trí trong chùa khá đa dạng với nhiều phong cách nghệ thuật khác nhau, nhưng phần lớn đều thể hiện sự sống động, với nét mặt hiền hậu, khiêm tốn bình dị như từ hình ảnh của những con người bình thường mang sự cảm thông cứu độ. Đó chính là những tác phẩm nghệ thuật mang giá trị văn hóa, chứa đựng trong đó tâm hồn, tình cảm và triết lý sống của dân tộc.

Hiện nay GHPGVN có khoảng 19.000 cơ sở tự viện, nhiều cơ sở là di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia hạng đặc biệt như: Chùa Hương, chùa Thầy (Hà Nội), chùa Keo (Thái Bình). Nhiều ngôi chùa là di tích cấp quốc gia như: Chùa Bối Khê, chùa Láng (Hà Nội), chùa Nghĩa Xá, chùa Cổ Lễ (Nam Định),... Nhiều ngôi chùa do dấu vết của thời gian đã bị xuống cấp được GHPGVN quan tâm trùng tu, tôn tạo, nhiều ngôi chùa mới được xây dựng để đáp ứng nhu cầu tâm linh của người dân như: Bái Đính (Ninh Bình), Tam Chúc (Hà Nam),...

Hệ thống chùa, tháp Phật giáo chính là bảo tàng sống động, vừa là thiết chế vật chất của Phật giáo vừa là trung tâm sinh hoạt văn hóa của làng, nơi hội tụ tinh hoa nghệ thuật, phản ánh tâm thức và đời sống tâm linh của người Việt. Trong mỗi thời kỳ lịch sử, sự hình thành những ngôi chùa phụ thuộc vào sự phát triển của Phật giáo và đời sống xã hội. Văn hóa vật thể của Phật giáo thể hiện qua các ngôi chùa, tháp chính là một thành tố trong kho tàng văn hóa Việt cần tiếp tục được GHPGVN bảo lưu, gìn giữ và phát huy giá trị trở thành những di sản văn hóa sống. Tinh thần Phật giáo thể hiện trong văn hóa vật thể qua những ngôi chùa, tháp đã thấm đẫm tâm hồn người Việt, góp phần tạo sự cân bằng cho xã hội và sự cân bằng cho đời sống tâm linh.

Trong lĩnh vực văn hóa phi vật thể

Trên lĩnh vực văn hóa phi vật thể, Phật giáo cũng đã có những đóng góp lớn lao cho nền văn hóa dân tộc. Phật giáo đưa ra những nguyên lý nhận thức về thế giới và con người, với những giáo thuyết như: “Vô ngã”, “Vô thường”, “Nghiệp”, “Tứ diệu đế”, “Thân duyên”, “Thân quả”, “Luân hồi”,... Những triết lý cao siêu và với nền văn hóa bác học, tưởng chừng như Phật giáo khó thâm nhập vào đời

sống tín ngưỡng bình dân của người Việt, nhưng hệ thống triết lý cao siêu đó lại rất gần gũi, thân thuộc, gắn bó tự nhiên với bao lớp người Việt từ thành thị đến nông thôn, từ tầng lớp vua chúa quan lại đến các tầng lớp khác trong xã hội.

Nhìn lại lịch sử, Phật giáo du nhập trong điều kiện tín ngưỡng của người Việt rất đa dạng. Người Việt tin vào tín ngưỡng Hồn linh giáo đó là Vạn vật hữu linh, các vị thần được tôn thờ phổ biến là những vị thần tự nhiên: Thần sông, thần núi, thần đá, thần mây, thần mưa, thần sấm, thần chớp. Ngay từ buổi ban đầu ấy, Phật giáo đã có những dấu ấn về văn hóa, dung hợp với tín ngưỡng dân gian bản địa hình thành nên Phật Tứ Pháp, để từ đó Phật giáo luôn gắn bó đồng hành cùng dân tộc. Tiếp nữa, thời kỳ Phật giáo du nhập, người Việt đã tiếp thu Nho giáo, Đạo giáo, với những cố gắng đồng hoá không ngừng nghỉ của chính quyền phong kiến phương Bắc như: Mở trường dạy chữ Nho, khuyến khích học thuật tu tiên của các đạo sĩ, nhiều tộc người đến cộng cư, hòa huyết nhằm mục đích Hán hoá. Tuy nhiên, trong cuộc tiếp thu văn hoá ấy rõ ràng Phật giáo là hệ tư tưởng có ảnh hưởng lớn nhất nên đã có chỗ đứng vững chắc trong lòng xã hội Đại Việt. “Trong thời Bắc thuộc, Phật giáo tuy chưa trở thành quốc giáo nhưng đã đóng vai trò như tôn giáo dân tộc để tham gia bảo vệ văn hóa, chủ quyền dân tộc của người Việt”. [12, tr. 15]

Đến thời Lý - Trần, Phật giáo trở thành nền tảng tư tưởng của dân tộc, đã góp phần tạo ra sắc thái riêng với những giá trị đặc trưng của nền văn hóa Việt. Tinh thần nhập thế của Phật giáo gắn bó sâu sắc với khát vọng độc lập dân tộc, với tinh thần yêu nước của nhân dân đã tạo nên xung lực cho sự phát triển của văn hóa dân tộc. Thông qua tinh thần nhập thế của các Thiền sư, tinh thần tự chủ, ý thức về tính độc lập, tự cường của dân tộc đã được khơi dậy mối liên kết giữa thần quyền và vương quyền chi phối đời sống tinh thần, Phật giáo trở thành hệ tư tưởng chính thống trong xây dựng quốc gia Đại Việt. Bên cạnh đó, hệ tư tưởng Phật giáo còn đóng góp cho nền văn hóa dân tộc những tác phẩm văn học giá trị với nhiều loại hình như văn xuôi tự sự, thơ thiền, các tác phẩm đều mang những giá trị triết lý nhân văn sâu sắc.

Từ thế kỷ XV đến thế kỷ XIX, Phật giáo Việt Nam phát triển trong điều kiện hoàn cảnh mới, các vương triều dựa vào Nho giáo để xây dựng đất nước, Phật giáo rời chốn cung đình lui về dân gian, lan tỏa sâu rộng trong tầng lớp bình dân, sinh hoạt Phật giáo trở thành những sinh hoạt văn hóa cộng đồng. Văn hóa Phật giáo lấy lý tính làm chủ đạo, lấy sự giác ngộ để siêu thoát tâm linh, với những triết lý cao siêu. “ Văn hóa Phật giáo đã chủ động tái cấu trúc, điều chỉnh, biến đổi để phù hợp và hòa vào đời sống tâm linh, đưa giáo lý Phật giáo gần gũi với tâm thức dân gian người Việt, tác động vào nhân sinh quan, thế giới quan, cũng như các chuẩn mực văn hóa, đạo đức của cư dân nông nghiệp”. [7, tr. 59-71.]

Phật giáo không chỉ là tôn giáo thuần túy. Phật giáo chính là đạo đức, là trí tuệ, không chỉ góp phần hình thành tư tưởng khoan hòa nhân ái trong chính sách an dân, trị quốc của các vương triều mà còn góp phần định hình lối sống, phong tục, giá trị chuẩn mực văn hóa Việt. Phật giáo đã tham dự vào cấu trúc văn hóa Việt. Với tư cách là thành tố văn hóa tinh thần, Phật giáo hướng đến giá trị con người, xây dựng xã hội an bình, với mục tiêu đem lại hạnh phúc và an lạc cho con người, đề cao lòng từ bi, vô ngã, vị tha, khuyên con người tu thân, tích đức, làm điều thiện tránh điều ác, làm lành tránh dữ, hướng con người tới ứng xử nhân văn, cao đẹp.

Tư tưởng vị tha hướng con người tới chân - thiện - mỹ đã góp phần bồi đắp và làm phong phú thêm tâm hồn người Việt từ tầng lớp bình dân đến tầng lớp trí thức, vun bồi lòng nhân ái “Thương người như thể thương thân”, “Lá lành đùm lá rách”, hình thành các tập quán, thói quen như ăn chay, bố thí, phóng sinh. Các phạm trù Phật giáo như: “Cứu nhân độ thế”, “Nhân quả”, “Nghiệp báo”, “Từ, bi, hỷ, xả”, đã không còn là của riêng Phật giáo mà đi sâu vào văn hóa Việt, đến nỗi người dân không phải là tín đồ Phật giáo nhưng vẫn thấm nhuần tư tưởng trên và trở thành một phần trong lễ sống của họ.

Tư tưởng từ bi của Phật giáo trở thành sức mạnh và động lực để đoàn kết tôn giáo, đoàn kết dân tộc trong quá trình đấu tranh bảo vệ tổ quốc và xây dựng đất nước. Tinh thần từ bi, khoan dung, cứu khổ, cứu nạn, tinh thần hy sinh vì quốc gia dân tộc kết hợp với lòng yêu nước của nhân dân Việt Nam đã góp phần hình thành nên chủ nghĩa yêu nước và trở thành đặc trưng trong văn hóa Việt. Phật giáo Việt Nam là sự hòa hợp giữa Đạo với Đời, là sự hòa quyện giữa tư tưởng đạo Đức Phật giáo với tính cách, đạo đức của con người Việt Nam, đã làm sâu sắc hơn truyền thống văn hóa của dân tộc.

Trong đời sống hiện nay với muôn vàn khó khăn, thách thức, khoảng cách giàu, nghèo, nhiều vấn nạn trong xã hội gia tăng do ảnh hưởng của nền kinh tế thị trường, mặt tích cực và tiêu cực của quá trình hiện đại hóa, công nghiệp hóa và hội nhập quốc tế chính là nguyên nhân gây nên những nỗi “khổ” của con người. Tiếp nối những đóng góp của Phật giáo trong 2.000 năm qua, GHPGVN đã tiếp tục hoằng dương chính pháp, không ngừng xiển dương những giá trị văn hóa đạo đức tốt đẹp của Phật giáo, những di sản văn hóa vật thể và phi vật thể thông qua việc trùng tu, tôn tạo, xây mới chùa chiền, biên dịch, xuất bản kinh sách.

Hàng năm, tại các cơ sở tự viện Phật giáo đều diễn ra các lễ hội như: Lễ hội đầu xuân, Phật đản, Vu Lan,... Những lễ hội này hiện đã không còn của riêng Tăng, Ni, Phật tử mà trở thành lễ hội của đông đảo quần chúng nhân dân. Nhiều lễ hội

chùa trở thành lễ hội làng, vùng, miền, làm phong phú thêm kho tàng lễ hội văn hóa dân tộc, trở thành thiết chế tinh thần của nhân dân, góp phần xiển dương những giá trị tư tưởng, đạo đức tốt đẹp tới mỗi người dân Việt.

Lễ Phật đản đã trở thành lễ hội văn hóa, tôn giáo quốc tế của Liên Hợp Quốc. GHPGVN đã 3 lần được trao quyền đăng cai, tổ chức Đại lễ Vesak Liên Hợp Quốc vào các năm 2008, 2014, 2019 với sự tham dự của đông đảo đại biểu quốc tế, các nguyên thủ quốc gia, người đứng đầu các tổ chức quốc tế, tăng, ni, phật tử trong nước và trên thế giới. Đại lễ Vesak đã góp phần còn quảng bá hình ảnh, đất nước, con người Việt Nam, chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo, chính sách đối ngoại rộng mở tới đông đảo bạn bè quốc tế, góp phần đấu tranh với những hoạt động lợi dụng tôn giáo của các cá nhân, tổ chức, các hoạt động tuyên truyền, xuyên tạc kích động chống phá Đảng, Nhà nước của các phần tử cực đoan. Đồng thời, thể hiện uy tín, vai trò của Việt Nam và Phật giáo Việt Nam trong hội nhập quốc tế.

Tư tưởng minh triết và những giá trị nhân bản trong đạo đức, văn hóa của Phật giáo vận dụng trong đời sống hiện thực sẽ góp phần định hướng tư duy, điều chỉnh hành vi của cộng đồng xã hội, làm thức tỉnh lương tri của con người, giúp con người chủ động phòng ngừa cái ác, hướng tới cái thiện, mang lại sự bình an, hạnh phúc cho người dân Việt.

Hiện, GHPGVN vận dụng khế lý, khế cơ đưa giá trị nhân văn của Phật giáo vào hiện thực cuộc sống, đồng hành cùng Đảng, Nhà nước và các cấp chính quyền trong công cuộc xây dựng xã hội mới, xã hội chủ nghĩa phát triển. Đồng thời, xây dựng con người mới có tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc, đạo đức, lối sống nhân cách, trong quan hệ ứng xử với tự nhiên, với xã hội, hướng tới giá trị nhân văn chân - thiện - mỹ, đáp ứng yêu cầu của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, góp phần phát huy tinh thần đoàn kết tôn giáo, đoàn kết dân tộc, trở thành sức mạnh tinh thần của dân tộc trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Kết luận

Trong cả quá khứ, hiện tại và tương lai, Phật giáo luôn luôn tồn tại và gắn liền với cuộc sống của con người Việt Nam. Việc khai thác hạt nhân tích cực hợp lý của văn hóa Phật giáo nhằm xây dựng nhân cách con người Việt Nam. Sự đoàn kết, hòa hợp Phật giáo và phát huy truyền thống hòa quyện giữa Phật giáo với Dân tộc trên con đường phát triển của mình, chắc chắn Phật giáo đã, đang phát triển và sẽ còn sống mãi trong lòng dân tộc và giữa nền văn hóa dân gian của Việt Nam. Tuy nhiên, trước thực trạng xã hội hiện nay, vai trò của văn hóa Phật

giáo trong giữ gìn và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống của Phật giáo để góp phần tiếp tục xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc là rất quan trọng, không để bị ảnh hưởng của nền kinh tế thị trường.

Tiếp nối truyền thống nhập thế, Phật giáo Việt Nam ngày nay đã và đang hội nhập vào dòng sống của dân tộc, trở thành một nhân tố của cuộc sống, có tác động mạnh mẽ trên mọi bình diện của đời sống xã hội, trong đó có thể kể đến vai trò của văn hóa Phật giáo trong nền văn hóa Việt Nam. Văn hóa Phật giáo là một phạm trù rộng lớn, bao quát trên nhiều lĩnh vực: Pháp phục, ngôn ngữ, Văn học, di sản, kiến trúc... đồng thời văn hóa Phật giáo luôn gắn liền với tiến trình phát triển của nền văn hóa Việt Nam.

Vì thế, để nền văn hóa Phật giáo Việt Nam phát triển bền vững thì yếu tố then chốt chính là phải nâng cao tri thức văn hóa, đồng thời đào tạo đội ngũ tăng tài cho đất nước. Bởi lẽ, thời kỳ nào Phật giáo hưng thịnh, có những vị tu hành chân chính thì thời đó văn hóa Phật giáo cũng để lại những dấu ấn đậm nét nhất trong lịch sử.

Tác giả: **Phan Thị Quyên (Thích nữ Thiên Giác)**

Học viên Thạc sĩ khóa II, chuyên ngành Văn học Phật giáo, Học viện Phật giáo Việt Nam tại Huế.

Tài liệu tham khảo:

Tài liệu sách, báo, tạp chí

- [1] Trần Lâm Biền (1996), *Chùa Việt*. Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội.
- [2] Nguyễn Đồng Chi (2000), *Kho tàng chuyện cổ tích Việt Nam*, tập 1, Nxb Giáo Dục.
- [3] Nguyễn Du (1974), *Truyện Kiều*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [4] Đài Tiếng nói Việt Nam, “Lời kêu gọi chống Mỹ của Chủ tịch Hồ Chí Minh”, *Báo Nhân dân* ngày 17/7/1966, (số 4484).
- [5] Lê Tâm Đắc (2012), *Phong trào chấn hưng Phật giáo ở miền Bắc Việt Nam (1924-1954)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [6] Giáo hội Phật giáo Việt Nam (2014), *Kỷ yếu Đại hội Đại biểu Phật giáo toàn quốc lần thứ VII*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
- [7] Đỗ Quang Hưng (2001), *Tái cấu hình đời sống tôn giáo ở Việt Nam hiện nay: Những thách thức về mặt pháp lý*, Tạp chí Khoa học Xã hội, số 7 (155).

- [9] Nguyễn Lang (1973), *Việt Nam Phật giáo Sử luận*, tập 1, Nxb Lá Bối Sài Gòn.
- [10] Phân Viện Nghiên cứu Phật học (1990), *Thiền Uyển Tập Anh*, Nxb. Văn học, Hà Nội.
- [11] Chu Quang Trứ (2012), *Sáng giá chùa xưa*. Mỹ Thuật Phật giáo, Nxb. Mỹ Thuật, Hà Nội.
- [12] Nguyễn Gia Thiều, *Cung oán ngâm khúc*, SGK Văn học 10 giai đoạn 1990 - 2006.
- [13] Hoàng Thị Thơ, *Phật giáo với trách nhiệm dân tộc trong lịch sử và hiện nay*, *Tạp chí Nghiên cứu Phật học*, số 2/2010.

Tài liệu Internet:

- [14] Một vài đóng góp của Phật giáo đối với văn hóa dân tộc: <https://phatgiaio.org.vn/mot-vai-dong-gop-cua-phat-giao-viet-nam-doi-voi-van-hoa-dan-toc-d49540.html>
- [15] Phật giáo trong văn hóa dân tộc: <https://phatgiaio.org.vn/phat-giao-trong-van-hoa-dan-toc-d44250.html>
- [16] Tư tưởng văn hóa Phật giáo: <https://dangcongsan.vn/tu-tuong-van-hoa/phat-giao-gop-phan-hinh-thanh-nen-tu-tuong-van-hoa-dan-toc-viet-nam-475861.html>